TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ MỸ THO** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: 63/2024/QĐST-HNGĐ Mỹ Tho, ngày 02 tháng 4 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 70/2024/TLST-HNGĐ ngày 22 tháng 02 năm 2024, giữa:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh D, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số B Khu phố R, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Yến N, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số B Khu phố R, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55 và Điều 57 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 25 tháng 3 năm 2024 về việc các đương sự đã thật sự tự nguyện ly hôn và thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày ngày 25 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa: Anh Lê Minh D và chị Trần Yến N.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Lê Minh D, sinh năm: 1991;

Địa chỉ: Số B Khu phố R, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

- Bị đơn: Chị Trần Yến N, sinh năm: 1995;

Địa chỉ: Số B Khu phố R, Phường Q, TP M, tỉnh Tiền Giang.

3. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Minh D và chị Trần Yến N thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Có 01 con chung là Lê Vân A sinh ngày 21/3/2019. Anh chị thống nhất giao cháu Lê Vân A cho chị N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh D

có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 (hai triệu) đồng. Thời gian thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng từ khi quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật đến khi cháu Lê Vân A đủ 18 tuổi lao động được.

Kể từ ngày quyết định công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự có hiệu lực pháp luật, chị N có đơn yêu cầu thi hành án đối với số tiền cấp dưỡng, nếu anh D chậm thi hành án, thì hàng tháng còn phải chịu số tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành án.

Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, cơ quan, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 150.000 đồng, án phí cấp dưỡng nuôi con là 150.000 đồng. Anh Lê Minh D tự nguyện nộp, anh Dđã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm theo biên lai thu số 0005722 ngày 22/02/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Mỹ Tho, nên xem như nộp xong án phí.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND Tp M;
- CCTHA Tp M;
- UBND Phường Q, Tp M;
- Các đương sự:
- Lưu HS.

THẨM PHÁN

Phạm Thị Sắc Ly